

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của Sàn Giao dịch Công nghệ và Thiết bị Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2006/TTLT/BKHCN-BTC-BNV ngày 05/6/2006 của Liên Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 36/2011/TTLT/BKHCN-BTC-BNV ngày 26/12/2011 của Liên Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 12/2006/TTLT/BKHCN-BTC-BNV ngày 05/6/2006 của Liên Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND ngày 20/7/2012 của Hội đồng nhân dân thành phố về đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước thành phố giai đoạn 2012 - 2015, định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 53/TTr-SKHCN ngày 08/8/2013, ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Văn bản số 207/STC-VX ngày 27/02/2013; của Sở Nội vụ tại Công văn số 190/SNV-TCBM ngày 29/01/2013 và Công văn số 801/SNV-TCBM ngày 10/5/2013.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của Sàn Giao dịch Công nghệ và Thiết bị Hải Phòng với những nội dung sau:

I. Tên gọi, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế :

1. Tên gọi:

Sàn Giao dịch Công nghệ và Thiết bị Hải Phòng.

Tên giao dịch tiếng Anh: Haiphong Technology - Equipment Transfer And Exchange (viết tắt: HATEX).

Địa chỉ: Số 01 Phạm Ngũ Lão, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

2. Vị trí, chức năng:

- Sàn giao dịch Công nghệ và Thiết bị Hải Phòng (gọi tắt là Sàn) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Khoa học và Công nghệ; hoạt động theo Khoản 4, Điều 4, Nghị định 115/2005/NĐ-CP sửa đổi của Chính phủ;

- Sàn giao dịch Công nghệ và Thiết bị Hải Phòng có chức năng xây dựng, cập nhật, bảo vệ, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin công nghệ của thành phố; tổ chức các hoạt động dịch vụ tư vấn, môi giới, chuyển giao công nghệ; tổ chức các sự kiện liên quan đến hoạt động của thị trường khoa học và công nghệ.

3. Nhiệm vụ:

3.1. Xây dựng, cập nhật, bảo vệ, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin công nghệ của thành phố:

- Xây dựng, cập nhật, bảo vệ hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin công nghệ của thành phố;

- Cung cấp, giải đáp, hướng dẫn tra cứu thông tin công nghệ, thiết bị theo yêu cầu;

- Vận hành Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến, Sàn giao dịch thương mại điện tử;

- Biên soạn các tài liệu, ấn phẩm về công nghệ và chuyển giao công nghệ.

3.2. Tổ chức các hoạt động dịch vụ tư vấn, môi giới, chuyển giao công nghệ:

- Tổ chức các hoạt động dịch vụ bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn, tư vấn khoa học và công nghệ, tư vấn đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ;

- Tổ chức các hoạt động dịch vụ tư vấn, môi giới, kết nối cung-cầu mua bán công nghệ;

- Tổ chức các hoạt động dịch vụ chuyển giao công nghệ, cung cấp công nghệ, thiết bị.

3.3. Tổ chức các sự kiện liên quan đến hoạt động của thị trường khoa học và công nghệ:

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, trình diễn, giới thiệu công nghệ và thiết bị;

- Tổ chức các phiên kết nối thị trường, phiên bán đấu giá công nghệ, thiết bị;
- Tổ chức các hoạt động tham quan, khảo sát, trao đổi, học tập kinh nghiệm về khoa học và công nghệ ở trong và ngoài nước;
- Tổ chức và tham gia các hội chợ, triển lãm về khoa học và công nghệ.

4. Tổ chức bộ máy, biên chế:

4.1. Tổ chức bộ máy:

a) Lãnh đạo Sàn:

Sàn có Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc. Giám đốc và các Phó Giám đốc Sàn được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định. Giám đốc Sàn là người đứng đầu, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sàn; Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc chỉ đạo, điều hành một số mặt công tác của Sàn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sàn và Giám đốc Sở về nhiệm vụ được phân công.

b) Các phòng nghiệp vụ chuyên môn:

- Phòng Hành chính - Tổng hợp
- Phòng Thông tin công nghệ
- Phòng Tư vấn và Dịch vụ chuyển giao công nghệ
- Phòng Tổ chức sự kiện.

4.2. Biên chế:

- Sàn được tự chủ về biên chế theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ. Căn cứ vào tính chất, khối lượng công việc và khả năng tài chính, Giám đốc Sàn bố trí sử dụng biên chế theo yêu cầu nhiệm vụ được giao;

- Ngoài ra, tùy theo yêu cầu công việc, Giám đốc Sàn quyết định việc sử dụng lao động hợp đồng, cán bộ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và đội ngũ cộng tác viên.

II. Cơ chế hoạt động

Sàn hoạt động theo quy định tại Khoản 4, Điều 4, Nghị định 115/2005/NĐ-CP sửa đổi của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và các văn bản có liên quan. Cụ thể:

1. Tự chủ về xác định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ:

1.1. Về xác định nhiệm vụ:

Hằng năm trên cơ sở chức năng nhiệm vụ, Sàn chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động như sau:

- Nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của nhà nước, gồm:

+ Nhiệm vụ do Sở Khoa học và Công nghệ giao trực tiếp (thực hiện theo phương thức ký hợp đồng dịch vụ);

+ Các chương trình, đề tài, đề án, dự án khoa học và công nghệ sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của Nhà nước thông qua tuyển chọn, xét chọn.

- Nhiệm vụ khác, gồm hoạt động dịch vụ thông tin công nghệ; dịch vụ tư vấn, môi giới, chuyển giao công nghệ; dịch vụ tổ chức các sự kiện liên quan đến hoạt động của thị trường khoa học và công nghệ.

1.2. Sàn tự quyết định biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các cơ quan nhà nước giao hoặc đặt hàng, đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu.

1.3. Giám đốc Sàn được quyền:

- Ký hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ;

- Trực tiếp mời các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài đến làm việc, trao đổi khoa học, tham gia quản lý và chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của đơn vị theo quy định của pháp luật; được quyết định mức lương thuê chuyên gia tùy theo nguồn tài chính của đơn vị;

- Trên cơ sở quy định của pháp luật, Giám đốc Sàn được quyền ký quyết định cử cán bộ, viên chức thuộc quyền quản lý của đơn vị đi công tác chuyên môn, học tập nâng cao trình độ ở nước ngoài;

- Được mở tài khoản tại ngân hàng để thực hiện các giao dịch đối với hoạt động dịch vụ theo quy định;

- Quyết định việc đầu tư phát triển từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định của pháp luật.

2. Tự chủ về tài chính và tài sản:

2.1. Nguồn kinh phí hoạt động:

a) Kinh phí từ ngân sách nhà nước, bao gồm:

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm:

+ Nhiệm vụ chuyên môn do Sở Khoa học và Công nghệ giao;

+ Đề tài, dự án, đề án khoa học và công nghệ thông qua tuyển chọn, xét chọn.

- Kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản; đối ứng dự án; kinh phí mua sắm trang thiết bị và sửa chữa lớn tài sản cố định.

b) Nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ: bao gồm thu từ hoạt động dịch vụ của Sàn.

c) Nguồn kinh phí khác: bao gồm khấu hao tài sản cố định; thu thanh lý tài sản được để lại theo quy định; vốn tài trợ, viện trợ, quà biếu, tặng của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2.2. Sử dụng kinh phí:

a) Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:

- Giám đốc Sàn có trách nhiệm xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, bao gồm các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu áp dụng thống nhất trong đơn vị; bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị, chuyên môn, duy trì hoạt động thường xuyên và tăng cường hiệu quả của công tác quản lý trên nguyên tắc dân chủ, công bằng, công khai, phân phối theo lao động và trách nhiệm của từng vị trí công tác;

- Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 12/2006/TTLT/BKHCN-BTC-BNV ngày 05/6/2006 của liên Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

b) Sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước:

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm:

+ Nhiệm vụ chuyên môn do Sở Khoa học và Công nghệ giao: Hàng năm, Sàn lập kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trình Giám đốc Sở phê duyệt, ký hợp đồng dịch vụ để triển khai. Việc sử dụng và thanh quyết toán theo cơ chế hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ;

+ Đề tài, dự án, đề án khoa học và công nghệ thông qua tuyển chọn, xét chọn: Ký hợp đồng thực hiện theo quy định.

- Kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản; đối ứng dự án; kinh phí mua sắm trang thiết bị và sửa chữa lớn tài sản cố định: Hàng năm, Sàn lập dự toán kinh phí mua sắm trang thiết bị và sửa chữa lớn tài sản cố định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, cấp từ ngân sách nhà nước; việc sử dụng và thanh quyết toán theo quy định. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn đối ứng dự án được phê duyệt, cấp và thực hiện theo quy định.

c) Nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ: Sàn được tự chủ sử dụng theo quy chế chi tiêu nội bộ.

d) Nguồn kinh phí khác: khấu hao tài sản cố định; thu thanh lý tài sản được để lại nhập vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định; vốn tài trợ, viện trợ, quà biếu, tặng của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có): sử dụng theo quy định của pháp luật.

đ) Về chi tiền lương, tiền công: Sàn có trách nhiệm bảo đảm chi trả tiền lương, tiền công không thấp hơn mức tiền lương, tiền công theo ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương (nếu có) do Nhà nước quy định đối với cán bộ, viên chức và người lao động. Tùy thuộc vào kết quả hoạt động tài chính của đơn vị và năng lực, trình độ của người lao động, mức chi trả tiền lương, tiền công thực tế có thể cao hơn mức Nhà nước quy định.

e) Về trích lập các quỹ: Hàng năm, sau khi trang trải tất cả các khoản chi phí hợp lý, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại, Sàn được trích lập các quỹ, gồm: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập, Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi. Việc trích lập và sử dụng các quỹ thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 12/2006/TTLT/BKHCN-BTC-BNV ngày 05/6/2006 của

liên Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và cụ thể hóa trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

g) Về chi thu nhập tăng thêm: Số dư kinh phí còn lại sau khi đã trừ tất cả các khoản chi và trích lập quỹ theo quy định, Sàn được tự quyết định việc sử dụng để chi tăng thêm thu nhập cho cán bộ, viên chức và người lao động theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2.3. Về tài sản:

- Được ngân sách nhà nước cấp kinh phí mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định theo dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Được giao quản lý và sử dụng tài sản của Nhà nước theo quy định của pháp luật; được sử dụng số tiền trích khấu hao tài sản cố định và tiền thu thanh lý tài sản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước bổ sung vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị;

- Việc giao quản lý và sử dụng tài sản của Nhà nước thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 12/2006/TTLT/BKHCN-BTC-BNV ngày 05/6/2006 của liên Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ. Sau khi có Quyết định giao tài sản của cơ quan có thẩm quyền, Giám đốc Sàn có trách nhiệm xây dựng phương án sử dụng, tính hao mòn, tính khấu hao tài sản cố định được giao.

3. Tự chủ về tổ chức bộ máy và cán bộ:

- Giám đốc Sàn được quyền quyết định sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy và quy định chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trực thuộc; quyết định thành lập, sáp nhập và giải thể các tổ chức trực thuộc trên cơ sở tự cân đối nguồn lực để đảm bảo cho hoạt động của đơn vị;

- Giám đốc Sàn có quyền quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho từ chức và miễn nhiệm cấp trưởng, cấp phó của các đơn vị trực thuộc và chịu trách nhiệm về quyết định đó; lựa chọn và trình lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho từ chức và miễn nhiệm các Phó Giám đốc Sàn. Trình tự, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm thực hiện theo quy định hiện hành;

- Trên cơ sở số lượng biên chế cần thiết, Giám đốc Sàn xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng, quản lý viên chức thực hiện theo các quy định hiện hành;

- Ngoài số lượng biên chế, tùy theo yêu cầu công việc, Giám đốc Sàn quyết định việc sử dụng lao động hợp đồng, cán bộ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và đội ngũ công tác viên.

4. Về hoạt động sản xuất kinh doanh và các cơ chế, chính sách ưu đãi:

- Được phép đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Được hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.

III. Tài sản cố định:

- Tổng giá trị tài sản cố định được giao quản lý và sử dụng khi đổi mới là: **376.352.086** đồng (*Ba trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm năm mươi hai ngàn không trăm tám mươi sáu đồng*).

(chi tiết theo Danh mục tài sản cố định giao cho Sàn Giao dịch Công nghệ và Thiết bị kèm theo Quyết định này).

IV. Nhân lực:

- Tổng số nhân lực được giao khi đổi mới: 18 người

(chi tiết theo Danh sách trích ngang kèm theo Quyết định này)

Trong đó:

+ Lao động trong biên chế: 10 người

+ Lao động hợp đồng ngoài biên chế: 08 người

- Phương án sắp xếp bố trí lại nhân lực của Sàn khi đổi mới:

+ Ban giám đốc: 2 người

+ Phòng Hành chính tổng hợp: 3 người

+ Phòng Thông tin công nghệ: 4 người

+ Phòng Tư vấn-dịch vụ chuyển giao công nghệ: 6 người

+ Phòng Tổ chức sự kiện: 3 người

V. Kinh phí hoạt động thường xuyên:

Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Quyết định này.

VI. Định hướng hoạt động năm 2013-2020:

1. Xây dựng, cập nhật, bảo vệ, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin công nghệ của thành phố:

- Hoàn thành việc xây dựng và cập nhật thường xuyên, bảo vệ hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin công nghệ của thành phố;

- Cung cấp, giải đáp, hướng dẫn tra cứu thông tin công nghệ, thiết bị theo yêu cầu;

- Vận hành Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến (hatex.vn); Sàn giao dịch thương mại điện tử (haiphong247.vn);

- Biên soạn các tài liệu, ấn phẩm về công nghệ và chuyển giao công nghệ: hằng năm biên soạn và phát hành tài liệu giới thiệu công nghệ mới cập nhật.

2. Tổ chức các hoạt động dịch vụ tư vấn, môi giới, chuyển giao công nghệ:

- Tổ chức các hoạt động dịch vụ bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn, tư vấn khoa học và công nghệ, tư vấn đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ:

+ Xây dựng giáo trình, chương trình và tổ chức các khóa bồi dưỡng kiến thức cơ bản về công nghệ, môi giới, chuyển giao công nghệ, đổi mới công

nghệ... cho các doanh nghiệp, cán bộ làm công tác tư vấn, môi giới, quản lý công nghệ;

- + Tư vấn xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp;
- + Tư vấn lựa chọn công nghệ.
- Tổ chức các hoạt động dịch vụ tư vấn, môi giới, kết nối cung - cầu mua bán công nghệ.
- Tổ chức các hoạt động dịch vụ chuyển giao công nghệ.

3. Tổ chức các sự kiện liên quan đến hoạt động của thị trường khoa học và công nghệ:

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, trình diễn, giới thiệu công nghệ và thiết bị bình quân 10 cuộc/năm;
- Tổ chức các phiên kết nối thị trường, phiên bán đấu giá công nghệ, thiết bị: bình quân 2 phiên /năm;
- Tổ chức các hoạt động tham quan, khảo sát, trao đổi, học tập kinh nghiệm về khoa học và công nghệ ở trong và ngoài nước;
- Tổ chức và tham gia các hội chợ, triển lãm về khoa học và công nghệ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ chỉ đạo, hướng dẫn Sàn Giao dịch Công nghệ và Thiết bị thực hiện đổi mới theo Đề án được phê duyệt;
- Giám đốc Sàn Giao dịch Công nghệ và Thiết bị có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản, tài chính, nhân sự được giao và tổ chức hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Nội vụ, Sàn Giao dịch Công nghệ và Thiết bị, các tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực từ ngày ký./.

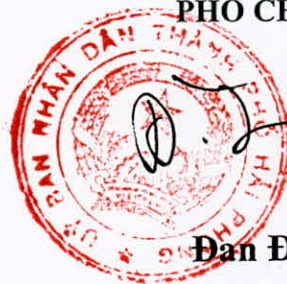
Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như Điều 3;
- CPVP;
- CV: GD, TC, NC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đan Đức Hiệp

**DANH SÁCH TRÍCH NGANH NHÂN LỰC
CỦA SÀN GIAO DỊCH CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ**

(kèm theo Quyết định số 1767 /QĐ-UBND, ngày 12/7/2013
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

T T	Họ và tên	Tuổi	Chức vụ, phòng chức năng	Trình độ	Biên ché	Hợp đồng
1	Nguyễn Đình Vinh	39	Giám đốc Sàn Giao dịch	Kỹ sư Nông nghiệp, Cử nhân Luật	x	
2	Nguyễn Thế Anh	36	Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp	Trung cấp Hành chính	x	
3	Đoàn Thị Thùy	30	Kế toán – Phòng Hành chính Tổng hợp	Cử nhân Kinh tế	x	
4	Vũ Thị Mai	26	Văn thư – Phòng Hành chính Tổng hợp	Trung cấp Kế toán		x
5	Đỗ Thị Lương	31	Trưởng phòng Thông tin Công nghệ	Cử nhân thông tin thư viện	x	
6	Phạm Thị Minh Nghĩa	28	Nhân viên phòng Thông tin công nghệ	Cử nhân Kinh tế	x	
7	Trần Mạnh Linh	29	Nhân viên phòng Thông tin công nghệ	Kỹ sư Công nghệ thông tin	x	
8	Nguyễn Thị Hồng Ngân	24	Nhân viên phòng Thông tin công nghệ	Cử nhân công nghệ thông tin		x
9	Đỗ Thị Nhung	35	Nhân viên phòng Thông tin công nghệ	Cử nhân Hành chính, Cử nhân kinh tế		x
10	Nguyễn Thị Cẩm Hương	36	Trưởng phòng Tư vấn và Dịch vụ chuyển giao công nghệ	Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế	x	
11	Võ Ngọc Vinh	40	Phó Trưởng phòng Tư vấn và Dịch vụ chuyển giao công nghệ	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân ngoại ngữ	x	
12	Đàm Thị Thu Thủy	29	Nhân viên phòng Tư vấn và Dịch vụ chuyển giao công nghệ	Cử nhân ngoại ngữ		x
13	Bùi Trọng Điệp	24	Nhân viên phòng Tư vấn và Dịch vụ chuyển giao công nghệ	Kỹ sư đóng tàu thủy		x
14	Bùi Hưng Nguyên	25	Nhân viên phòng Tư vấn và Dịch vụ chuyển giao công nghệ	Kỹ sư Kỹ thuật nhiệt		x
15	Nguyễn Hoài Nam	32	Nhân viên phòng Tư vấn và Dịch vụ chuyển giao công nghệ	12/12		x
16	Vũ Thị Hạnh	30	Phó Trưởng phòng Tổ chức Sự kiện	Cử nhân ngoại ngữ, Cử nhân kinh tế	x	
17	Nguyễn Trường Xuân	29	Nhân viên phòng Tổ chức Sự kiện	Cử nhân Văn hóa	x	
18	Đào Thị Hiền	29	Nhân viên phòng Tổ chức Sự kiện	Cử nhân Kinh tế		x
	Tổng số nhân lực				10	8

DANH MỤC
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GIAO CHO SÀN GIAO DỊCH CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ

(kèm theo Quyết định số ~~1767~~ /QĐ-UBND, ngày 12 / 9 /2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	Tên, ký mã hiệu, quy cách tài sản cố định	Số hiệu tài sản cố định	Năm đưa vào sử dụng	Số thẻ	Nguyên giá (đồng)	Hao mòn lũy kế (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
A	B	C	D	E	1	2	3 = 1-2
1	Máy in HP 1102	NS_2_2010_HC_017	2011		2 850 000	1 140 000	1 710 000
2	Máy in HP 1102	NS_2_2010_TTR_005	2011		2 850 000	1 140 000	1 710 000
3	Máy tính không thương hiệu lắp ráp tại Việt Nam	NS_2_2010_GĐ_003	2011		9 890 000	3 956 000	5 934 000
4	Máy laptop Sony vaio	NS_2_2010_GĐ_004	2011		19 800 000	7 920 000	11 880 000
5	Máy tính không thương hiệu lắp ráp tại VN	NS_2_2010_HC_012	2011		7 650 000	3 060 000	4 590 000
6	Máy tính không thương hiệu lắp ráp tại VN	NS_2_2010_HC_013	2011		7 650 000	3 060 000	4 590 000
7	Máy laptop Acer	NS_2_2010_HC_014	2011		8 775 000	3 510 000	5 265 000
8	Máy tính không thương hiệu lắp ráp tại VN	NS_2_2010_TT_003	2011		7 650 000	3 060 000	4 590 000
9	Máy tính không thương hiệu lắp ráp tại VN	NS_2_2010_TT_004	2011		7 650 000	3 060 000	4 590 000

10	Máy tính không thương hiệu lắp ráp tại VN	NS_2_2010_TTR_004	2011		7 650 000	3 060 000	4 590 000
11	Máy tính không thương hiệu lắp ráp tại VN	NS_2_2010_TV_004	2011		7 650 000	3 060 000	4 590 000
12	Máy tính bảng	NS_2_2010_GĐ_006	2012		9 400 000	1 880 000	7 520 000
13	Ti vi Samsung 50"C450	NS_2_2010_GĐ_005	2011		20 000 000	8 000 000	12 000 000
14	Thiết bị tra cứu thông tin màn hình cảm ứng tích hợp TFL-LCD	NS_2_2010_TT_007	2011		221 274 100	88 509 640	132 764 460
15	Máy phô tô AR-5516	NS_2_2010_HC_019	2011		21 150 000	5 287 500	15 862 500
16	Bộ thiết bị tổng đài điện thoại	NS_2_2010_HC_021	2011		39 962 000	15 984 800	23 977 200
17	Máy phát điện hóa năng HPV1600P-400	NS_2_2010_HC_022	2011		24 418 900	6 104 724	18 314 176
18	Bộ bàn, ghế, tủ làm việc	NS_4_2010_C_001	2009		41 000 000	15 375 000	25 625 000
19	Bộ bàn, ghế, tủ làm việc	NS_4_2010_C_002	2011		16 860 000	4 215 000	12 645 000
20	Bộ bàn, ghế, tủ giám đốc	NS_4_2010_GĐ_002	2008		7 590 000	2 846 250	4 743 750
21	Bộ bàn ghế hội trường	NS_4_2010_HC_006	2008		39 750 000	14 906 250	24 843 750
22	Máy in HP 3050	NS_2_2010_GĐ_001	2007		6 420 000	5 350 000	1 070 000
23	Máy tính không thương hiệu	NS_2_2010_HC_002	2007		10 764 000	8 970 000	1 794 000

24	Máy tính không thương hiệu	NS_2_2010_TT_001	2007		10 764 000	8 970 000	1 794 000
25	Máy tính không thương hiệu	NS_2_2010_TT_002	2007		10 764 000	8 970 000	1 794 000
26	Máy tính không thương hiệu	NS_2_2010_TTR_001	2007		10 764 000	8 970 000	1 794 000
27	Máy tính không thương hiệu	NS_2_2010_TTR_002	2007		10 764 000	8 970 000	1 794 000
28	Máy tính không thương hiệu	NS_2_2010_TTR_003	2007		10 764 000	8 970 000	1 794 000
29	Máy tính không thương hiệu	NS_2_2010_TV_001	2007		10 764 000	8 970 000	1 794 000
30	Máy tính không thương hiệu	NS_2_2010_TV_002	2007		10 764 000	8 970 000	1 794 000
31	Máy tính không thương hiệu	NS_2_2010_TV_003	2007		10 764 000	8 970 000	1 794 000
32	Bộ Máy chiếu, màn chiếu Toshiba TLP - X2000	NS_2_2010_HC_003	2007		26 378 000	21 800 000	4 578 000
33	Bộ thiết bị âm thanh	NS_2_2010_HC_005	2007		28 949 250	23 925 000	5 024 250
34	Bộ máy chủ	NS_2_2010_HC_007	2007		99 099 000	81 900 000	17 199 000
	Tổng cộng				789 192 250	412 840 164	376 352 086